

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 27-03-2023

Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: ông Trần Tấn Quốc

ông Đặng Văn Những

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Mỹ Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Trần Văn C, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: số 22, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: số 157, ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, ông Trần Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông và bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 10 tháng 3 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng ở trọ tại Thành phố Hồ Chí Minh để làm việc. Ông làm công việc kỹ thuật viên, làm việc theo ca 08 giờ mỗi ngày, thu nhập mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng, bà T làm công nhân. Đến khoảng đầu năm 2022, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, sống

không hợp nhau, bà T đã về nhà mẹ tại xã N ở, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Vì nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên ông khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Trần Thị Cẩm T.

Về con chung: ông và bà T có 02 con chung tên Trần Thanh Bảo N, sinh ngày 14/02/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 09/8/2017. Các con đều ở với ông bà ngoại từ sinh ra đến nay, hàng tháng vợ chồng ông đều gửi tiền để ông bà ngoại chăm lo cho các cháu. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Gia H, bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh Bảo N, ông C sẽ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: ông C xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn, bà Trần Thị Cẩm T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông C về thời gian kết hôn và quá trình chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Bà đồng ý ly hôn với ông C và không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Hiện tại bà đang làm công nhân, thu nhập mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng. Từ khi sinh ra các con đã ở với bà và ông bà ngoại. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung để không chia rẽ hai chị em và ổn định về môi trường sống cho các con. Bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã xử:

Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn C được ly hôn với bà Trần Thị Cẩm T.

Về con chung: bà Trần Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh Bảo N, sinh ngày 14/02/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 09/8/2017.

Ông Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2023 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về án phí: ông Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ nếu chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2023, nguyên đơn, ông Trần Văn C kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là Trần Gia H.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Trần Văn C trình bày: ông yêu cầu trực tiếp nuôi con trai, vì bà T ngoại tình nên không thể nuôi dạy con tốt được.

Bà Trần Thị Cẩm T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông C.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: ông C và bà T đều có việc làm, thu nhập ổn định, nhưng ông C không đủ thời gian để chăm sóc con. Từ khi sinh ra đến nay, cả hai con chung được ông bà ngoại trực tiếp nuôi dưỡng, được chăm sóc tốt, không bị ngược đãi, được học tập, nếu giao con cho ông C nuôi sẽ thay đổi nghiêm trọng môi trường sống của con chung, ảnh hưởng xấu đến tâm lý của con. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn, ông Trần Văn C thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về quyền trực tiếp nuôi con. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông C chỉ kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên là Trần Gia H. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần nuôi con của bản án sơ thẩm.

[3] Ông C và bà T thống nhất thừa nhận các tình tiết sau: ông và bà có 02 con chung tên Trần Thanh Bảo N, sinh ngày 14/02/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 09/8/2017. Cháu N và cháu H do ông bà ngoại trực tiếp chăm sóc từ khi sinh ra đến nay. Từ tháng 11/2022 cho đến nay, ông và bà T không còn chung sống, bà T là người trực tiếp nuôi con chung.

[4] Xét nghề nghiệp, điều kiện kinh tế của ông C và bà T: hồ sơ vụ án và trình bày của hai đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện ông C và bà T có đi làm, có thu nhập tương đương nhau (bút lục số 32).

[5] Xét điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: ông C hiện nay đi làm và đang ở nhờ trụ sở Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện, ông C xác định nếu được giao quyền trực tiếp nuôi con, ông sẽ đưa con về nhà cha mẹ ruột của ông và nhờ mẹ ruột và em trai hỗ trợ chăm sóc (bút lục số 31, 32). Hội đồng xét xử nhận thấy rằng, từ khi sinh ra đến nay, cả hai con chung của ông C và bà T đều do cha mẹ ruột của bà T hỗ trợ trực tiếp chăm nom; từ sau khi ông C và bà T không còn sống chung, hai cháu N và H do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển mạnh khỏe. Ông C không chứng minh được bà T chăm sóc con không tốt hoặc có hành vi ngược đãi con chung. Hơn nữa, ông C cũng thừa nhận rằng, con ông không gần gũi, thân thiết với ông (bút lục 31). Nếu giao con cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi nghiêm trọng môi trường sống hiện tại của các cháu. Việc tiếp tục giao cả hai con

chung cho bà T trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con.

[6] Từ nhận định tại mục [4], [5], không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C.

[7] Hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, ông C và bà T đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn, chỉ còn tranh chấp về quyền nuôi con chung (bút lục số 25). Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là không đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và mục 11 của Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp một số vướng mắc trong công tác xét xử. Do đó, cần sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: ông C phải chịu án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 6, 27 và 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn C.

3. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2023/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An về án phí.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” đối với bà Trần Thị Cẩm T.

5. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Văn C và bà Trần Thị Cẩm T.

6. Về con chung: bà Trần Thị Cẩm T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Thanh Bảo N, sinh ngày 14/02/2015 và Trần Gia H, sinh ngày 09/8/2017.

7. Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: buộc ông Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Thanh Bảo N và Trần Gia H mỗi người con với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2023 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

8. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn:

9.1. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

9.2. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

10. Về án phí sơ thẩm: buộc ông Trần Văn C phải chịu 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006298 ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ tỉnh Long An, ông C còn phải nộp 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm.

11. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc ông Trần Văn C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006369 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Ông Trần Văn C đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

12. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

13. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

